

Quyết định tái thẩm

Số: 03/2024/HNGĐ-TT

Ngày 13/6/2024

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:*

Phó Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Tấn Hoàng.

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường và ông Nguyễn Tấn Long.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Trương Quang Hưng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình về “*Tranh chấp ly hôn và con chung*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trương Thị Mỹ C, sinh năm 1979;

2. *Bị đơn:* ông Trần Văn H; sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trương Thị Mỹ C trình bày:*

Về quan hệ Hôn nhân: Bà và ông Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 20/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống mà không hàn gắn được. Hiện hai vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm và chăm sóc ai. Nay Bà yêu cầu xin ly hôn ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung tên là Trần Đức H1, sinh ngày 03/7/1999; Trần Đức H2, sinh ngày 20/7/2000; Trần Trúc P, sinh ngày 04/01/2011. Khi ly hôn, Bà yêu cầu được nhận nuôi cháu P và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi

cháu P 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu H1, cháu H2 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn là ông Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: quá trình kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn đúng như bà C trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chúng tôi không hợp nhau; vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm và chăm sóc ai, nên Ô đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông và bà C có 03 con chung tên là Trần Đức H1, sinh ngày 03/7/1999; Trần Đức H2, sinh ngày 20/7/2000; Trần Trúc P, sinh ngày 04/01/2011. Khi ly hôn, Ô đồng ý giao cháu P cho bà C nhận nuôi dưỡng; Ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu H1, cháu H2 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 171/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên quyết định:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Trương Thị Mỹ C, sinh năm 1979 và bị đơn Trần Văn H, sinh năm 1978.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Trần Đức H1, sinh ngày 03/7/1999; Trần Đức H2, sinh ngày 20/7/2000; Trần Trúc P, sinh ngày 04/01/2011 (hiện đang ở với vợ chồng). Giao cháu Trần Trúc P cho nguyên đơn Trương Thị Mỹ C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bị đơn Trần Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 10/2018 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Trần Đức H1, Trần Đức H2 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ngoài ra, quyết định còn ghi nhận sự thỏa thuận về án phí.

- Ngày 14/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm của bà Trương Thị Mỹ C và ông Lê Đức T đối với Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên, với lý do: cháu Trần Trúc P không phải là con chung của bà Trương Thị Mỹ C với ông Trần Văn H mà là con chung của bà Trương Thị Mỹ C với ông Lê Đức T nên đề nghị hủy phần con chung để giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

- Tại Quyết định kháng nghị tái thẩm số 39/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 23/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị tái thẩm đối với Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số

171/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử tái thẩm hủy Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên về phần con chung cháu **Trần Trúc P**; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết lại sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa tái thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tái thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bà **Trương Thị Mỹ C** và ông **Trần Văn H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **H** vào ngày 20/9/2005. Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà **C** xin ly hôn ông **H**. Ngày 18/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 171/2018/QĐST-HNGĐ, về con chung giao cháu **Trần Trúc P**, sinh ngày 04/01/2011 cho bà **C** nuôi dưỡng; ông **H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **P** 1.000.000 đồng/tháng thời hạn cấp dưỡng từ tháng 10/2018 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Tại Đơn đề nghị tái thẩm ngày 18/0/2024 và ngày 06/3/2024, bà **Trần Thị Mỹ C1** và ông **Lê Đức T** trình bày năm 2010 ông **T** và bà **C1** có phát sinh quan hệ với nhau sinh ra bé gái đặt tên là **Trần Trúc P**, nên cháu **P** là con đẻ của bà **C1** với ông **Lê Đức T** chứ không phải là con đẻ của bà **C1** với ông **Trần Văn H**.

[3]. Ngoài ra, do nghi ngờ cháu **Trần Trúc P** không phải là con chung của bà **C1** với ông **Trần Văn H** mà là con của bà **C1** với ông **Lê Đức T** nên ông **T** đã đề nghị Viện Công nghệ A và Phân tích Di truyền – Genlab tiến hành giám định AND giữa ông **Lê Đức T** với cháu **Trần Trúc P**, sinh ngày 04/01/2011. Ngày 03/4/2023, Viện Công nghệ A và Phân tích Di truyền – Genlab có “*Kết quả xét nghiệm AND*”, với nội dung: **Lê Đức T1** có quan hệ huyết thống bố-con với **Trần Trúc P**, độ tin cậy >99,9999%.

[4]. Hội đồng xét xử tái thẩm xét thấy, kết luận giám định ADN nêu trên là tình tiết mới được phát hiện, có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự về phần con chung, tình tiết này Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên và ông **Trần Văn H** không biết được trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, để đảm bảo tính chính xác trong việc xác định con chung và giải quyết vụ án đúng pháp luật; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của ông **Trần Văn H**, cháu **Trần Trúc P** và những người có liên quan nên cần chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm số 39/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 23/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương

sự số 171/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên phần “*Về con chung*” đối với cháu **Trần Trúc P**, sinh ngày 04/01/2011; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 351 và khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 171/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên về vụ án “*Tranh chấp về ly hôn và con chung*”, giữa nguyên đơn là chị **Trương Thị Mỹ C** với bị đơn là ông **Trần Văn Hợp p** “*Về con chung*” đối với cháu **Trần Trúc P**, sinh ngày 04/01/2011.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng tái thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TAND CC tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố T, tỉnh Phú Yên
(Kèm theo hồ sơ vụ án);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu các **Phòng**: GDKT I; HC-TP; VTLT; HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tấn Hoàng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thanh Liêm

Nguyễn Tấn Long

Lê Tự